

HƯỚNG DẪN
Tổ chức thực hiện tổng rà soát
hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

Viết tắt:

- Quy phạm pháp luật: QPPL.
- Văn bản quy phạm pháp luật: VBQPPL.
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15: Luật Ban hành VBQPPL năm 2025.
- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP: Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.
- Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP: Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.
- Hội đồng nhân dân: HĐND.
- Ủy ban nhân dân: UBND.
- Tỉnh, thành phố: cấp tỉnh.
- Huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (trước khi sắp xếp địa giới hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp): cấp huyện.
- Xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh: cấp xã.
- Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, các cơ quan của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan: gọi chung là “cơ quan”.

I. MỤC TIÊU TỔNG RÀ SOÁT HỆ THỐNG VBQPPL

Tổng rà soát hệ thống VBQPPL nhằm đánh giá chính xác, đầy đủ, toàn diện về thực trạng hệ thống VBQPPL, trên cơ sở đó đề xuất giải pháp xử lý tổng thể nhằm giải quyết các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn do quy định pháp luật; góp phần hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật; phục vụ xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện đại, hợp lý, khoa học, dân chủ, công bằng, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, khả thi, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; khơi thông mọi nguồn lực, đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, mở đường cho kiến tạo phát triển, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới; góp phần cung cấp thông tin phục vụ cho việc nghiên cứu, sửa đổi tổng thể Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.

II. YÊU CẦU ĐỐI VỚI VIỆC TỔ CHỨC TỔNG RÀ SOÁT

1. Bám sát các chủ trương, đường lối về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật tại Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật; Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới và các văn bản liên quan.

2. Bám sát mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”; đẩy mạnh phân quyền, phân cấp; tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy nhà nước theo mô hình chính quyền 3 cấp; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; hội nhập quốc tế; đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam; phát triển kinh tế tư nhân; phát triển kinh tế nhà nước; bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia; phát triển giáo dục và đào tạo; tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; phát triển văn hóa Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; đồng thời qua rà soát cũng cần chỉ rõ chủ trương, đường lối chưa được thể chế hóa đầy đủ, toàn diện hoặc không khả thi trong các quy định pháp luật.

3. Tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc, quy định pháp luật về rà soát, tổng rà soát hệ thống VBQPPL tại Luật Ban hành VBQPPL năm 2025 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; bám sát và thực hiện chính xác, đầy đủ việc tổng rà soát hệ thống VBQPPL theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhất là các định hướng, tiêu chí rà soát VBQPPL.

4. Xác định rõ trách nhiệm thực hiện, nội dung, tiến độ hoàn thành công việc; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả, chủ động, tích cực giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong quá trình thực hiện tổng rà soát, đề xuất giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật.

5. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả tổng rà soát hệ thống VBQPPL thuộc trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương mình, bảo đảm rà soát đầy đủ các văn bản thuộc phạm vi, đối tượng tổng rà soát, đúng hướng dẫn tại Văn bản này và văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

6. Kế thừa, sử dụng hiệu quả kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL do các cơ quan thực hiện thời gian qua; bám sát Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội khóa XVI; tham khảo kết quả nghiên cứu của Đề án “Hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới”; kết nối hiệu quả với quá trình xây dựng, triển khai Đề án “Chiến lược hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong kỷ nguyên mới”.

7. Huy động sự tham gia hiệu quả, thực chất của các chuyên gia, nhà khoa học, luật gia, luật sư, đối tượng chịu sự tác động, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, đại diện hiệp hội, ngành nghề... vào quá trình tổng rà soát, đề xuất giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật.

8. Tăng cường ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo hỗ trợ thực hiện tổng rà soát, đề xuất giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI TỔNG RÀ SOÁT

Đối tượng, phạm vi tổng rà soát hệ thống VBQPPL là toàn bộ các VBQPPL do các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ở Trung ương và địa phương ban hành **còn hiệu lực** (trừ Hiến pháp) và các VBQPPL đã được ban hành nhưng **chưa có hiệu lực** thuộc trách nhiệm rà soát của các cơ quan (theo hướng dẫn tại Mục IV Hướng dẫn này) **tính đến hết ngày 31/10/2026**.

Lưu ý:

1. Các hình thức VBQPPL được ban hành trước ngày 01/7/2025¹ mà không còn được quy định tại Điều 4 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025 nhưng vẫn còn hiệu lực cũng thuộc đối tượng, phạm vi tổng rà soát (*Ví dụ: Thông tư liên tịch giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ*).

¹ Ngày Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực.

2. VBQPPL hết hiệu lực một phần, VBQPPL bị tạm ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần cũng thuộc đối tượng, phạm vi tổng rà soát.

3. Đối với các VBQPPL được ban hành theo chế độ mật: Các cơ quan chủ động thực hiện việc rà soát các VBQPPL được ban hành theo chế độ mật thuộc trách nhiệm của cơ quan mình theo hướng dẫn tại Mục IV Hướng dẫn này, bảo đảm thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước (*Lưu ý: Các cơ quan chỉ báo cáo số liệu liên quan đến văn bản mật được rà soát theo hướng dẫn, không gửi kèm danh mục chi tiết các nội dung của văn bản khi gửi báo cáo*).

4. Tập hợp đầy đủ VBQPPL trong các trường hợp có sự sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước và thay đổi về địa giới đơn vị hành chính.

5. Đối với các VBQPPL do HĐND, UBND cấp huyện đã ban hành: UBND cấp tỉnh chỉ đạo UBND cấp xã, các cơ quan có liên quan tổ chức tổng hợp, lập danh mục các VBQPPL do HĐND, UBND cấp huyện ban hành trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đang còn hiệu lực trên địa bàn².

IV. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ

a) Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện rà soát VBQPPL do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành hoặc chủ trì soạn thảo để liên tịch ban hành; VBQPPL do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ chủ trì soạn thảo để trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành (*trừ trường hợp nêu tại điểm 7.2 Mục này*); VBQPPL khác của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành có nội dung điều chỉnh vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ trong trường hợp VBQPPL do đại biểu Quốc hội trình hoặc cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo hiện nay không còn.

Việc rà soát VBQPPL trong trường hợp sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước đồng thời được thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 6 Mục này.

Ví dụ: Bộ Tư pháp có trách nhiệm thực hiện rà soát:

- Các Thông tư, Thông tư liên tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, chủ trì soạn thảo để liên tịch ban hành.

- VBQPPL do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo (như: các luật của Quốc hội (như: Luật Ban hành VBQPPL, Luật Hộ tịch, Luật Thi hành án dân sự...); pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (như: Pháp lệnh Hợp nhất VBQPPL, Pháp lệnh Pháp điển hệ thống QPPL...); nghị định của Chính phủ (như: Nghị định số

² Khoản 1 Điều 3 Luật số 87/2025/QH15 quy định như sau: “*Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi địa giới của đơn vị hành chính cấp huyện trước khi sắp xếp đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027, trừ trường hợp Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều này hoặc văn bản của người có thẩm quyền, cơ quan nhà nước cấp trên có quy định khác*”.

78/2025/NĐ-CP, Nghị định số 79/2025/NĐ-CP...); Quyết định của Thủ tướng (như: Quyết định số 14/2020/QĐ-TTg...).

Ví dụ: Bộ Tài chính có trách nhiệm rà soát Quyết định số 95/1998/QĐ-TTg ngày 18/5/1998 của Thủ tướng Chính phủ về xử lý thanh toán nợ giai đoạn II do Ban Chỉ đạo tổng thanh toán nợ Trung ương đề nghị ban hành do hiện nay Ban Chỉ đạo không còn, trong khi nội dung điều chỉnh vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

Lưu ý: Trường hợp VBQPPL có nội dung điều chỉnh vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ nhưng do cơ quan khác chủ trì soạn thảo thì việc rà soát VBQPPL được thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 7.2 và điểm 7.3 Mục này.

b) Các tổ chức, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thực hiện rà soát VBQPPL thuộc trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ mà điều chỉnh những nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách của tổ chức, đơn vị mình.

Ví dụ: Tại Bộ Tư pháp, Vụ Công tác xây dựng VBQPPL có trách nhiệm giúp Bộ trưởng rà soát Luật Ban hành VBQPPL; Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật có trách nhiệm giúp Bộ trưởng rà soát Nghị định số 79/2025/NĐ-CP...

c) Tổ chức pháp chế thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn các tổ chức thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện rà soát VBQPPL.

2. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước

a) Tòa án nhân dân tối cao thực hiện rà soát VBQPPL do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành hoặc chủ trì soạn thảo để liên tịch ban hành; VBQPPL do Tòa án nhân dân tối cao chủ trì soạn thảo để trình cơ quan có thẩm quyền ban hành (trừ trường hợp nêu tại điểm 7.2 Mục này).

b) Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện rà soát VBQPPL do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành hoặc chủ trì soạn thảo để liên tịch ban hành; VBQPPL do Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì soạn thảo để trình cơ quan có thẩm quyền ban hành (trừ trường hợp nêu tại điểm 7.2 Mục này).

c) Kiểm toán nhà nước thực hiện rà soát VBQPPL do Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành hoặc chủ trì soạn thảo để liên tịch ban hành; VBQPPL do Kiểm toán nhà nước chủ trì soạn thảo để trình cơ quan có thẩm quyền ban hành (trừ trường hợp nêu tại điểm 7.2 Mục này).

d) Trách nhiệm thực hiện rà soát VBQPPL của các tổ chức, đơn vị tại Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước do các cơ quan này quy định.

Lưu ý: Trường hợp VBQPPL có nội dung điều chỉnh vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm toán nhà nước nhưng không do Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước chủ trì soạn thảo thì việc rà soát VBQPPL được thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 7.2 và điểm 7.3 Mục này.

Việc rà soát VBQPPL trong trường hợp sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước được thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 6 Mục này.

3. Trách nhiệm của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước

a) Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện rà soát VBQPPL của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (bao gồm cả VBQPPL liên tịch của Ủy ban Thường vụ Quốc hội) do các cơ quan này chủ trì soạn thảo; VBQPPL của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội do tổ chức (nhưng tổ chức đó hiện nay không còn), đại biểu Quốc hội trình nhưng không điều chỉnh vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

b) Văn phòng Chủ tịch nước thực hiện rà soát VBQPPL của Chủ tịch nước.

c) Trách nhiệm thực hiện rà soát VBQPPL của các tổ chức, đơn vị tại Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước do các cơ quan này quy định.

Lưu ý: Việc rà soát VBQPPL trong trường hợp sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước được thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 6 Mục này.

4. Trách nhiệm của các tổ chức đã trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cơ quan có thẩm quyền ban hành VBQPPL (trừ trường hợp chuyển giao chức năng, nhiệm vụ hoặc tổ chức đó hiện nay không còn)

Các tổ chức chủ trì soạn thảo VBQPPL để liên tịch ban hành (Ví dụ: Nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam) hoặc trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành có trách nhiệm chủ trì rà soát, lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và gửi kết quả rà soát về Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để tổng hợp chung.

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có trách nhiệm chỉ đạo các tổ chức thực hiện rà soát, tổng hợp chung kết quả tổng rà soát theo hướng dẫn.

Ví dụ: Luật Trọng tài thương mại năm 2010 do Hội Luật gia Việt Nam chủ trì soạn thảo; Bộ Tư pháp quản lý nhà nước về trọng tài thương mại. Theo đó, Hội Luật gia Việt Nam có trách nhiệm chủ trì rà soát Luật Trọng tài thương mại, lấy ý kiến Bộ Tư pháp về kết quả rà soát. Trên cơ sở đó, gửi kết quả rà soát về Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để tổng hợp chung.

Luật Công đoàn năm 2024 do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chủ trì xây dựng, do đó Luật này sẽ do tổ chức này chủ trì thực hiện rà soát; gửi kết quả rà soát về Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để tổng hợp chung.

5. Trách nhiệm của UBND các cấp

5.1. Trách nhiệm của UBND cấp tỉnh

a) UBND cấp tỉnh thực hiện rà soát VBQPPL do HĐND, UBND, Chủ tịch UBND cấp tỉnh ban hành.

Ví dụ: UBND thành phố Hà Nội thực hiện rà soát VBQPPL do HĐND, UBND, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ban hành.

b) Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban pháp chế HĐND cấp tỉnh và các cơ quan liên quan thực hiện rà soát VBQPPL của HĐND, UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp tỉnh có nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách của cơ quan mình.

Ví dụ: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát Quyết định số 106/2025/QĐ-UBND của UBND tỉnh Sơn La ban hành Quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai năm 2024 và các nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai.

c) Các cơ quan khác đã chủ trì soạn thảo VBQPPL của HĐND, UBND, Chủ tịch UBND cấp tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban pháp chế HĐND, Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan thực hiện rà soát VBQPPL.

Ví dụ: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.

d) Sở Tư pháp có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan thực hiện rà soát VBQPPL của HĐND, UBND, Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

5.2. Trách nhiệm của UBND cấp xã

a) UBND cấp xã thực hiện rà soát VBQPPL do HĐND và UBND cấp xã ban hành; thực hiện rà soát VBQPPL do HĐND, UBND cấp huyện ban hành (trước khi sắp xếp địa giới hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp) còn hiệu lực trên địa bàn cấp xã theo chỉ đạo của UBND cấp tỉnh.

b) Các cơ quan chuyên môn hoặc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp xã chủ trì, phối hợp với cơ quan của HĐND và các cơ quan liên quan thực hiện rà soát VBQPPL của UBND, HĐND cùng cấp có nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách của cơ quan, tổ chức mình.

Trường hợp UBND cấp xã bố trí công chức chuyên môn để tham mưu, giúp UBND cấp xã quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực ở địa bàn cấp xã thì Chủ

tịch UBND cấp xã chỉ đạo các công chức chuyên môn thực hiện rà soát VBQPPL của HĐND, UBND cấp mình thuộc lĩnh vực phụ trách của công chức chuyên môn.

c) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính hoặc công chức được giao nhiệm vụ tham mưu, giúp UBND cấp xã quản lý nhà nước về rà soát VBQPPL (sau đây gọi chung là cơ quan) có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện rà soát VBQPPL của HĐND, UBND cấp xã.

5.3. Đối với VBQPPL của HĐND, UBND cấp huyện (trước khi sắp xếp địa giới hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp)

UBND cấp tỉnh chỉ đạo UBND cấp xã và các cơ quan có liên quan trong quá trình rà soát các VBQPPL của HĐND, UBND cấp mình cần căn cứ quy định tại Điều 3 Luật số 87/2025/QH15 để tập hợp đầy đủ các VBQPPL của HĐND, UBND cấp huyện có hiệu lực trên địa bàn.

Trên cơ sở đó, UBND cấp tỉnh tổng hợp, kiểm tra, lập Danh mục tổng thể các VBQPPL do HĐND, UBND cấp huyện đã ban hành còn hiệu lực trên địa bàn.

6. Trách nhiệm rà soát VBQPPL trong trường hợp sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính

6.1. Cơ quan, đơn vị, tổ chức tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có trách nhiệm thực hiện rà soát VBQPPL liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được tiếp nhận.

Ví dụ:

- Các cơ quan tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm rà soát VBQPPL do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì xây dựng liên quan đến chức năng, nhiệm vụ tiếp nhận.

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm rà soát VBQPPL thuộc trách nhiệm rà soát của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường trước đây.

- Sở Xây dựng có trách nhiệm rà soát VBQPPL của HĐND và UBND cấp tỉnh ban hành do Sở Xây dựng và Sở Giao thông vận tải chủ trì xây dựng trước khi sắp xếp.

6.2. Trường hợp giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính thì UBND của đơn vị hành chính mới có trách nhiệm rà soát VBQPPL do HĐND, UBND của đơn vị hành chính trước đó ban hành.

Ví dụ: UBND tỉnh Hưng Yên (sau sắp xếp) có trách nhiệm rà soát VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh Hưng Yên và HĐND, UBND tỉnh Thái Bình (trước khi sắp xếp) ban hành.

6.3. Bộ, cơ quan sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy (hợp nhất) có trách nhiệm tập hợp đầy đủ VBQPPL do các Bộ, cơ quan trước khi sắp xếp ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành, trừ các VBQPPL liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước được chuyển giao cho các Bộ, cơ quan khác.

Ví dụ: Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan tập hợp, rà soát đầy đủ các VBQPPL do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, chủ trì soạn thảo đề liên tịch ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc VBQPPL liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước đây (trừ các VBQPPL liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được chuyển giao cho các Bộ, cơ quan khác).

7. Một số lưu ý về trách nhiệm rà soát của các cơ quan

7.1. Đối với VBQPPL liên tịch: Cơ quan chủ trì soạn thảo VBQPPL chủ trì rà soát, tổng hợp kết quả rà soát do các cơ quan liên tịch thực hiện.

Ví dụ: Tòa án nhân dân tối cao chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp, lấy ý kiến Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng kết quả rà soát Thông tư liên tịch số 02/2025/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 23/9/2025 quy định một số thủ tục xem xét bản án tử hình trước khi thi hành.

Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng thực hiện rà soát Thông tư liên tịch số 02/2025/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP và gửi kết quả rà soát để Tòa án nhân dân tối cao tổng hợp (*Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng không tổng hợp kết quả rà soát Thông tư liên tịch số 02/2025/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP vào Báo cáo kết quả tổng rà soát của cơ quan mình*).

7.2. Đối với VBQPPL sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản: Các cơ quan có trách nhiệm **đồng thời** thực hiện rà soát các nội dung điều chỉnh vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước, phụ trách của cơ quan mình và tổng hợp kết quả rà soát theo văn bản được sửa đổi, bổ sung (văn bản gốc). Cơ quan chủ trì soạn thảo VBQPPL sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản **không tổng hợp kết quả rà soát** đối với nội dung điều chỉnh vấn đề thuộc lĩnh vực phụ trách của cơ quan khác.

Ví dụ: Đối với Luật số 03/2022/QH15 do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo đề sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự thì:

- Bộ Tài chính có trách nhiệm rà soát đối với nội dung quy định của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật Đấu thầu được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15 (tổng hợp chung kết quả rà soát theo Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật Đấu thầu);

- Bộ Xây dựng có trách nhiệm rà soát đối với nội dung quy định của Luật Nhà ở được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15 (tổng hợp chung kết quả rà soát theo Luật Nhà ở);

- Bộ Công Thương có trách nhiệm rà soát đối với nội dung quy định của Luật Điện lực được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15 (tổng hợp chung kết quả rà soát theo Luật Điện lực);

- Bộ Tư pháp có trách nhiệm rà soát đối với nội dung quy định của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15 (tổng hợp chung kết quả rà soát theo Luật Thi hành án dân sự);

- Bộ Tư pháp không tổng hợp kết quả rà soát nội dung các Luật do Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương thực hiện được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15.

Ví dụ: Điều 56 Luật Đường sắt năm 2025 quy định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều, phụ lục của các luật: Xây dựng, Phí và lệ phí, Giá, Đất đai, Quy hoạch. Theo đó, Bộ Xây dựng có trách nhiệm rà soát đối với nội dung quy định của Luật Xây dựng; Bộ Tài chính có trách nhiệm rà soát đối với nội dung quy định của Luật Phí và lệ phí, Luật Giá, Luật Quy hoạch; Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm rà soát đối với nội dung quy định của Luật Đất đai (được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một phần tại Luật Đường sắt năm 2025).

Đồng thời, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường cần lấy ý kiến của Bộ Xây dựng về kết quả rà soát văn bản nêu trên (do liên quan lĩnh vực quản lý nhà nước về giao thông vận tải đường sắt của Bộ Xây dựng).

7.3. Đối với VBQPPL được ban hành điều chỉnh nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý, phụ trách của các cơ quan khác nhau thì cơ quan chủ trì soạn thảo VBQPPL chủ trì tổng hợp kết quả rà soát văn bản do các cơ quan có liên quan thực hiện *(không bao gồm trường hợp nêu tại điểm 7.2 Mục này)*.

Ví dụ: Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp năm 2024 do Bộ Quốc phòng chủ trì soạn thảo, liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an. Theo đó, Bộ Quốc phòng sẽ chủ trì tổng hợp kết quả rà soát Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp năm 2024 do Bộ Quốc phòng và Bộ Công an thực hiện.

7.4. Trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo VBQPPL khác với cơ quan chủ trì soạn thảo VBQPPL sửa đổi, bổ sung văn bản đó thì cơ quan chủ trì soạn thảo VBQPPL được sửa đổi, bổ sung (văn bản gốc) có trách nhiệm chủ trì tổng hợp kết quả rà soát văn bản *(không bao gồm trường hợp nêu tại khoản 6 và điểm 7.2 Mục này)*.

Ví dụ: Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp năm 2024 do Bộ Quốc phòng chủ trì soạn thảo; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp năm 2025 do Bộ Công an chủ trì soạn thảo. Theo đó, Bộ Quốc phòng sẽ chủ trì tổng hợp kết quả rà soát Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp năm 2024 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) do Bộ Quốc phòng và Bộ Công an thực hiện.

V. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TỔNG RÀ SOÁT

1. Trên cơ sở Nghị quyết số 2092/NQ-UBTVQH15 ngày 03/4/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tổng rà soát hệ thống VBQPPL, Kế hoạch triển khai tổng rà soát hệ thống VBQPPL (ban hành kèm theo Quyết định số 05/QĐ-BCĐ ngày 10/4/2026 của Ban Chỉ đạo tổng rà soát hệ thống VBQPPL) và Hướng dẫn tổ chức tổng rà soát hệ thống VBQPPL của Ban Chỉ đạo tổng rà soát hệ thống VBQPPL, đồng thời căn cứ vào tình hình thực tế, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, các cơ quan của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng Kế hoạch thực hiện tổng rà soát VBQPPL tại cơ quan, tổ chức, địa phương mình, trong đó bảo đảm triển khai cụ thể, hiệu quả các nhiệm vụ, công việc thuộc trách nhiệm của mình theo Kế hoạch triển khai tổng rà soát hệ thống VBQPPL của Ban Chỉ đạo tổng rà soát hệ thống VBQPPL.

2. Kế hoạch thực hiện tổng rà soát hệ thống VBQPPL có các nội dung cơ bản, gồm: Mục đích, yêu cầu xây dựng Kế hoạch; đối tượng, phạm vi tổng rà soát của cơ quan; nội dung, tiến độ công việc; kinh phí, các điều kiện bảo đảm; tổ chức thực hiện. Trong đó, nội dung, tiến độ công việc cần xác định rõ trách nhiệm thực hiện (chủ trì, phối hợp), thời gian, tiến độ, sản phẩm hoàn thành công việc.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN TỔNG RÀ SOÁT

1. Tổng hợp VBQPPL thuộc đối tượng, phạm vi tổng rà soát

Căn cứ vào đối tượng, phạm vi tổng rà soát (Mục III Hướng dẫn này) và trách nhiệm thực hiện rà soát của các cơ quan (Mục IV Hướng dẫn này), các cơ quan cần xác định **đầy đủ, chính xác** các văn bản thuộc đối tượng, phạm vi tổng rà soát của cơ quan mình.

VBQPPL thuộc đối tượng, phạm vi tổng rà soát, ***đồng thời thuộc trách nhiệm chủ trì tổng hợp kết quả rà soát*** của cơ quan được lập theo Mẫu 03 (đối với các cơ quan Trung ương); Mẫu 03, Mẫu 08 (đối với UBND cấp tỉnh, cấp xã) kèm theo Hướng dẫn này.

Trong quá trình thực hiện rà soát, các cơ quan cần thường xuyên cập nhật tình trạng hiệu lực của VBQPPL và VBQPPL mới được ban hành **đến hết ngày 31/10/2026**.

Lưu ý: *Xác định đúng các VBQPPL còn hiệu lực: Trên cơ sở đối chiếu với quy định VBQPPL hết hiệu lực được quy định tại các Luật Ban hành VBQPPL³.*

- VBQPPL còn hiệu lực bao gồm cả VBQPPL của HĐND, UBND của đơn vị hành chính cũ không được HĐND, UBND của đơn vị hành chính mới quyết

³ Cụ thể: Điều 78 Luật Ban hành VBQPPL năm 1996; Điều 53 Luật Ban hành VBQPPL của HĐND, UBND năm 2004; Điều 81 Luật Ban hành VBQPPL năm 2008; Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015; Điều 57 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025.

định việc áp dụng nhưng chưa được bãi bỏ (trong trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp)⁴.

- VBQPPL được ban hành chỉ có nội dung bãi bỏ văn bản khác được tổng hợp, thống kê trong Danh mục VBQPPL thuộc đối tượng, phạm vi tổng rà soát, tuy nhiên các cơ quan không phải thực hiện rà soát nội dung của văn bản.

- Xác định đầy đủ các VBQPPL thuộc trách nhiệm rà soát trong trường hợp có sự thay đổi về địa giới đơn vị hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước: Căn cứ vào các quy định của Luật Ban hành VBQPPL⁵, Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước và các văn bản có liên quan để xác định hiệu lực của văn bản.

- Xác định đầy đủ các VBQPPL liên quan đến lĩnh vực quản lý, phụ trách của cơ quan mình nhưng cơ quan khác chủ trì tổng hợp kết quả rà soát (theo hướng dẫn tại Mục IV Hướng dẫn này). Các cơ quan không tổng hợp các VBQPPL này vào kết quả tổng rà soát của cơ quan mình.

- Sử dụng một số kết quả rà soát đã thực hiện như:

+ Kết quả hệ thống hóa VBQPPL kỳ 2019 - 2023;

+ Các Danh mục VBQPPL hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần do các cơ quan đã thực hiện việc công bố;

+ Các văn bản của HĐND, UBND quyết định việc áp dụng VBQPPL trong trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp (theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025);

+ Các văn bản hành chính do cơ quan có thẩm quyền đã ban hành để bãi bỏ, đình chỉ việc thi hành VBQPPL.

2. Tổng hợp các kết quả rà soát VBQPPL đã thực hiện

Để bảo đảm tính kế thừa các kết quả rà soát VBQPPL đã thực hiện trong thời gian qua, các cơ quan tổng hợp kết quả rà soát VBQPPL do cơ quan mình thực hiện **và đang thực hiện việc xử lý** (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới) để tiếp tục nghiên cứu, đánh giá như:

- Kết quả rà soát, xử lý văn bản chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

⁴ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025.

⁵ Điều 50 (Hiệu lực của VBQPPL của HĐND, UBND trong trường hợp điều chỉnh địa giới hành chính) Luật Ban hành VBQPPL của HĐND, UBND năm 2004; khoản 2 Điều 155 (Hiệu lực về không gian) Luật Ban hành VBQPPL năm 2015; Điều 54 (Hiệu lực về không gian) Luật Ban hành VBQPPL năm 2025; Điều 3 Luật số 87/2025/QH15; khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 190/2025/QH15...

- Kết quả rà soát, hoàn thiện pháp luật thực hiện phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Điều 32 Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15.

- Báo cáo đánh giá tính khả thi đối với nhiệm vụ đã được phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương.

- Kết quả rà soát, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, “điểm nghẽn” do quy định pháp luật (thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị).

- Kết quả rà soát, hoàn thiện pháp luật liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị).

- Kết quả rà soát, hoàn thiện pháp luật để thực hiện các Nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị.

- Kết quả rà soát, xử lý văn bản sau khi Chính phủ ban hành các Nghị quyết để xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật theo cơ chế đặc biệt quy định tại Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24/6/2025 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật.

- Các kết quả rà soát, xử lý văn bản thường xuyên và theo các chuyên đề, lĩnh vực khác.

3. Xác định căn cứ rà soát

3.1. Xác định văn bản pháp luật là căn cứ rà soát

Để phát hiện các quy định pháp luật không bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất (bao gồm cả mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu đồng bộ) giữa các quy định pháp luật; không tương thích với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, đối với mỗi VBQPPL được rà soát, các cơ quan cần xác định đầy đủ các văn bản là căn cứ rà soát, bao gồm:

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Văn bản là căn cứ để xác định văn bản trái pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 6⁶ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

- Văn bản là căn cứ rà soát theo quy định tại khoản 1 Điều 37⁷ và Điều 39 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

⁶ Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP quy định:

“1. Căn cứ pháp lý để xác định văn bản trái pháp luật là văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Có hiệu lực pháp lý cao hơn văn bản được kiểm tra;

b) Đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành văn bản được kiểm tra hoặc chưa có hiệu lực tại thời điểm ban hành văn bản được kiểm tra nhưng đã được thông qua hoặc ký ban hành và sẽ có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản được kiểm tra”.

⁷ Khoản 1 Điều 37 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP quy định:

“1. Văn bản là căn cứ để rà soát là văn bản được ban hành sau, có quy định liên quan đến văn bản được rà soát, bao gồm:

- Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên liên quan đến nội dung quy định của văn bản được rà soát.

3.2. Xác định văn bản, tài liệu làm định hướng, đánh giá VBQPPL

Để có cơ sở, định hướng cho việc rà soát, đánh giá VBQPPL, ngoài các căn cứ rà soát là các văn bản tại điểm 3.1 nêu trên, các cơ quan cần xác định, tổng hợp các văn bản, tài liệu thể hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; kết quả điều tra, khảo sát, tổng kết và thông tin thực tiễn liên quan đến đối tượng, phạm vi điều chỉnh của VBQPPL được rà soát, cụ thể như:

- Điều lệ, cương lĩnh, nghị quyết, thông tri, chỉ thị, tài liệu chính thức khác của Đảng, đặc biệt là: Nghị quyết, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”; các Nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị (về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; hội nhập quốc tế; đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam; phát triển kinh tế tư nhân; phát triển kinh tế nhà nước; bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia; phát triển giáo dục và đào tạo; tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; phát triển văn hóa Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới); Kết luận của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam; các nghị quyết, quy định, kết luận, quy chế của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, kết luận chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư... về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy nhà nước theo mô hình chính quyền 3 cấp và liên quan đến phạm vi, nội dung quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương.

- Kết quả điều tra, khảo sát; thông tin kinh tế - xã hội; số liệu và báo cáo thống kê; thông tin, số liệu thực tiễn, tài liệu khác liên quan đến văn bản được rà soát do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố.

- Các đánh giá tình hình, kết quả, tổng kết thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ được ban hành theo Nghị quyết số 206/2025/QH15 về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật.

- Các đánh giá tình hình, kết quả, tổng kết thực hiện các nhiệm vụ được phân quyền, phân cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa

a) *Văn bản quy phạm pháp luật* có hiệu lực pháp lý cao hơn văn bản được rà soát; văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản được rà soát;

b) *Văn bản hành chính* của cơ quan, người có thẩm quyền ban hành để bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật trong trường hợp thay đổi về thẩm quyền do việc sắp xếp, tổ chức bộ máy hoặc trường hợp không còn đối tượng áp dụng quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 4 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

c) *Điều ước quốc tế* mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có thời điểm có hiệu lực sau thời điểm ban hành văn bản được rà soát”.

phương số 72/2025/QH15 và khoản 2 Điều 32 Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15.

- Các đánh giá tình hình, kết quả, tổng kết thực hiện các Luật, VBQPPL khác.
- Các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của VBQPPL.
- Kết quả rà soát, tổng rà soát của cơ quan Trung ương là cơ sở, định hướng cho việc tổng rà soát của các cơ quan ở địa phương.

4. Tiêu chí, cách thức thực hiện rà soát

Việc rà soát VBQPPL được thực hiện theo **06 tiêu chí cơ bản**, cụ thể như sau:

4.1. Rà soát, đánh giá sự phù hợp của VBQPPL với chủ trương, đường lối của Đảng (Tiêu chí 1)

a) Mục đích: Đề kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới các VBQPPL cho phù hợp và/hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chủ trương của Đảng để bảo đảm sự thống nhất và phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

b) Cách thức thực hiện: Đối chiếu VBQPPL được rà soát với các chủ trương, đường lối của Đảng liên quan đến đối tượng, phạm vi điều chỉnh của văn bản. Trên cơ sở đó, xác định các vấn đề sau:

- Đường lối, chủ trương của Đảng chưa được thể chế đầy đủ, toàn diện (tại thời điểm ban hành VBQPPL được rà soát) hoặc đã thể chế hóa nhưng không phát huy hiệu quả trong thực tiễn triển khai.
- Nội dung, quy định của VBQPPL được rà soát không còn phù hợp với đường lối, chủ trương mới của Đảng.
- Vấn đề mới theo đường lối, chủ trương của Đảng cần thể chế hóa thành quy định pháp luật.
- Nội dung các văn bản của Đảng cần tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện.

Lưu ý: Việc rà soát, đánh giá sự phù hợp của VBQPPL với chủ trương, đường lối của Đảng cần bám sát Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”; các Nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị; Kết luận của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam; các chủ trương về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy nhà nước theo mô hình chính quyền 3 cấp, liên quan đến phạm vi, nội dung quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương.

Theo đó, việc thực hiện rà soát, đánh giá sự phù hợp của VBQPPL với chủ trương, đường lối của Đảng (Tiêu chí 1) được thực hiện theo **các tiêu chí rà soát thành phần**⁸, cụ thể như:

(i) Thực hiện các chủ trương về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp; phân định rõ thẩm quyền theo phương châm phát huy tính tự chủ, sáng tạo của địa phương “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”; ban hành quy định pháp luật tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy chính quyền 3 cấp (*Tiêu chí về tổ chức bộ máy*);

(ii) Thực hiện các chủ trương về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (*Tiêu chí về khoa học, công nghệ*);

(iii) Thực hiện chủ trương về hội nhập quốc tế trong tình hình mới (*Tiêu chí về hội nhập quốc tế*);

(iv) Thực hiện chủ trương về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới (*Tiêu chí về xây dựng, thi hành pháp luật*);

(v) Thực hiện chủ trương phát triển kinh tế tư nhân (*Tiêu chí về kinh tế tư nhân*);

(vi) Thực hiện chủ trương đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (*Tiêu chí về an ninh năng lượng quốc gia*);

(vii) Thực hiện các chủ trương đột phá phát triển giáo dục và đào tạo (*Tiêu chí về giáo dục và đào tạo*);

(viii) Thực hiện một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân (*Tiêu chí về bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe Nhân dân*);

(ix) Thực hiện chủ trương phát triển kinh tế nhà nước (*Tiêu chí về kinh tế nhà nước*);

(x) Thực hiện chủ trương phát triển văn hóa Việt Nam (*Tiêu chí về phát triển văn hóa*);

(xi) Thực hiện chủ trương về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới (*Tiêu chí về cấu trúc hệ thống pháp luật*);

(xii) Thực hiện các chủ trương **khác** gắn với nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực, địa phương (*Tiêu chí riêng khác*).

c) Nội dung đề xuất xử lý:

- Đề xuất nội dung, VBQPPL cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc ban hành mới để phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng.

⁸ Các bộ, ngành trong phạm vi quản lý được giao có trách nhiệm hướng dẫn nội dung rà soát cụ thể đối với từng tiêu chí thành phần.

Trong trường hợp chưa xử lý được theo các hình thức nêu trên, có thể đề xuất nội dung, VBQPPL cần tạm ngưng hiệu lực hoặc cơ chế xử lý đặc biệt (đối với văn bản ở Trung ương), trong đó, nêu rõ hình thức văn bản xử lý (Ví dụ: Ban hành Nghị quyết của Chính phủ theo Nghị quyết số 206/2025/QH15 về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật) (nếu cần thiết).

- Đề xuất các đường lối, chủ trương của Đảng cần tiếp tục được hoàn thiện để bảo đảm sự thống nhất và phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

4.2. Rà soát, đánh giá tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật (Tiêu chí 2)

a) Mục đích: Để phát hiện các nội dung, quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, không thống nhất trong các VBQPPL hoặc giữa các VBQPPL với nhau; nội dung được giao quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành nhưng cơ quan, người có thẩm quyền chưa ban hành VBQPPL; trên cơ sở đó kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới VBQPPL.

b) Cách thức thực hiện:

Đối chiếu VBQPPL được rà soát với:

- Quy định của Hiến pháp năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).
- Văn bản là căn cứ để xác định văn bản trái pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.
- Văn bản là căn cứ rà soát theo quy định tại khoản 1 Điều 37 (trừ điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên được thực hiện rà soát theo Tiêu chí 3) và Điều 39 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

Trên cơ sở đó, xác định các vấn đề sau của VBQPPL được rà soát:

- Nội dung, quy định của VBQPPL không phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Nội dung, quy định của VBQPPL trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, không thống nhất, không còn phù hợp với quy định của văn bản là căn cứ rà soát.

Việc rà soát cũng cần thực hiện giữa các quy định trong chính văn bản đó để phát hiện các quy định không thống nhất với nhau.

- Nội dung VBQPPL được giao quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành thuộc trách nhiệm xây dựng của cơ quan rà soát nhưng chưa được cơ quan rà soát ban hành hoặc cơ quan, người có thẩm quyền ban hành.

c) Nội dung đề xuất xử lý:

- Đề xuất nội dung, VBQPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Trong trường hợp chưa xử lý được theo các hình thức nêu trên, có thể đề xuất nội dung, VBQPPL cần tạm ngưng hiệu lực hoặc cơ chế xử lý đặc biệt (đối với văn bản ở Trung ương, trừ các nội dung trái Hiến pháp, trái pháp luật), trong đó, nêu rõ hình thức văn bản xử lý (*Ví dụ: Ban hành Nghị quyết của Chính phủ theo Nghị quyết số 206/2025/QH15 về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật*) (nếu cần thiết).

4.3. Rà soát, đánh giá tính tương thích của VBQPPL với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (Tiêu chí 3)

a) Mục đích: Để phát hiện các nội dung, quy định không tương thích với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới VBQPPL.

b) Cách thức thực hiện:

Đối chiếu VBQPPL được rà soát với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên liên quan đến nội dung quy định của văn bản được rà soát.

Trên cơ sở đó, xác định các vấn đề sau của VBQPPL được rà soát:

- Nội dung, quy định của VBQPPL không tương thích với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Vấn đề chưa được pháp luật trong nước điều chỉnh để thực hiện điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

c) Nội dung đề xuất xử lý:

- Đề xuất nội dung, VBQPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới để bảo đảm tính tương thích với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Trong trường hợp chưa xử lý được theo các hình thức nêu trên, có thể đề xuất nội dung, VBQPPL cần tạm ngưng hiệu lực hoặc cơ chế xử lý đặc biệt (đối với văn bản ở Trung ương), trong đó, nêu rõ hình thức văn bản xử lý (*Ví dụ: Ban hành Nghị quyết của Chính phủ theo Nghị quyết số 206/2025/QH15 về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật*) (nếu cần thiết).

4.4. Rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện hành nghề, đầu tư, kinh doanh, thủ tục hành chính bất hợp lý, tạo gánh nặng chi phí tuân thủ (Tiêu chí 4)

a) Mục đích: Để thực hiện chủ trương cải cách thủ tục hành chính triệt để, cắt giảm ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và các điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề không cần thiết, không hợp lý, tạo gánh nặng tuân thủ; giảm thiểu can thiệp hành chính trực tiếp, giảm chi phí tuân thủ; áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro và chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm, tháo gỡ rào cản, khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, góp phần

thực hiện thành công mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nhất là mục tiêu tăng trưởng “2 con số”.

b) Cách thức thực hiện:

Các cơ quan rà soát các thủ tục hành chính, ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, điều kiện hành nghề, đầu tư, kinh doanh không cần thiết, không hợp lý, tạo gánh nặng chi phí tuân thủ, đề lên phương án, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa; chuẩn hoá, số hoá toàn bộ quy trình giải quyết thủ tục; rút ngắn tối đa thời gian, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp (trong đó, lưu ý bám sát quy định của Luật Đầu tư để phát hiện quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh được ban hành không đúng thẩm quyền).

c) Nội dung đề xuất xử lý:

- Đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, điều kiện hành nghề, đầu tư, kinh doanh.

- Đề xuất quy định, thủ tục hành chính, VBQPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ để thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về cải cách thủ tục hành chính.

- Đề xuất xử lý các quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh được ban hành không đúng thẩm quyền.

- Trong trường hợp chưa xử lý được theo các hình thức nêu trên, có thể đề xuất nội dung, VBQPPL cần tạm ngưng hiệu lực hoặc cơ chế xử lý đặc biệt (đối với văn bản ở Trung ương, trừ trường hợp xử lý quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh được ban hành không đúng thẩm quyền), trong đó, nêu rõ hình thức văn bản xử lý (*Ví dụ: Ban hành Nghị quyết của Chính phủ theo Nghị quyết số 206/2025/QH15 về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật*) (nếu cần thiết).

4.5. Rà soát, phát hiện quy định pháp luật không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không phù hợp thực tiễn, không khả thi, gây khó khăn, vướng mắc, tạo “điểm nghẽn” trong áp dụng, thực hiện pháp luật, cản trở quá trình phát triển (Tiêu chí 5)

a) Mục đích: Để kịp thời giải thích, hướng dẫn áp dụng, tạm ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc có cơ chế xử lý phù hợp.

b) Cách thức thực hiện:

Căn cứ vào kết quả theo dõi, tổ chức thi hành pháp luật, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan xác định quy định pháp luật không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không phù hợp thực tiễn, không khả thi, gây khó khăn, vướng mắc, tạo “điểm nghẽn” trong áp dụng, thực hiện pháp luật, cản trở quá trình phát triển, như:

- Nội dung, quy định của VBQPPL sử dụng từ ngữ đa nghĩa hoặc diễn đạt

không rõ ràng.

- Một phần hoặc toàn bộ văn bản không còn được áp dụng trên thực tế nhưng chưa có cơ sở pháp lý để xác định hết hiệu lực theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL.

- Các quy định chưa phù hợp với năng lực thực thi hoặc thực tiễn thực hiện (*Ví dụ: Các quy định phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền chưa phù hợp với năng lực, điều kiện của các chủ thể được phân cấp, phân quyền; các quy định không được bảo đảm về nguồn lực thực hiện*);...

c) Nội dung đề xuất xử lý:

- Đề xuất nội dung, VBQPPL có quy định không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không phù hợp thực tiễn, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ.

- Trong thời gian chưa sửa đổi, bổ sung, thay thế được ngay thì đề xuất giải thích luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; hướng dẫn áp dụng VBQPPL; tạm ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần VBQPPL; hoặc cơ chế xử lý đặc biệt (đối với văn bản ở Trung ương), trong đó, nêu rõ hình thức văn bản xử lý (*Ví dụ: Ban hành Nghị quyết của Chính phủ theo Nghị quyết số 206/2025/QH15 về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật*) (nếu cần thiết).

4.6. Rà soát, phát hiện các nội dung, lĩnh vực, vấn đề chưa có quy định pháp luật điều chỉnh (Tiêu chí 6)

a) Mục đích: Kịp thời phát hiện các nội dung, lĩnh vực, vấn đề chưa có quy định pháp luật điều chỉnh hoặc đã có quy định pháp luật điều chỉnh nhưng cần được điều chỉnh bằng VBQPPL có hiệu lực pháp lý cao hơn; kịp thời đề xuất bổ sung quy định pháp luật điều chỉnh.

b) Cách thức thực hiện:

Căn cứ kết quả theo dõi, tổ chức thi hành pháp luật, các cơ quan rà soát, phát hiện các nội dung, lĩnh vực, vấn đề chưa có quy định pháp luật điều chỉnh, như: *đề xuất mô hình kinh tế và kinh doanh mới; các chính sách đặc thù mới tại địa phương; thể chế hoá cơ chế, chính sách đặc thù tại một số địa phương được thực tiễn chứng minh là đúng, có hiệu quả để từ đó đề xuất ban hành VBQPPL điều chỉnh thống nhất trên phạm vi toàn quốc; cơ chế thử nghiệm có kiểm soát nhằm hình thành các lực lượng sản xuất, phương thức sản xuất, lĩnh vực kinh tế mới và khuyến khích, thúc đẩy phát triển ngành, nghề, các địa bàn, nhóm đối tượng được xác định ưu tiên phát triển; biện pháp quản lý mới; quy định biện pháp quản lý nhà nước...; hoặc đã có quy định pháp luật điều chỉnh nhưng cần được điều chỉnh bằng VBQPPL có hiệu lực pháp lý cao hơn* (*Ví dụ: Đối với trường hợp Nghị định của Chính phủ đã được ban hành để quy định vấn đề cần thiết thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhưng chưa đủ điều kiện xây dựng*

*thành luật hoặc pháp lệnh để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội, **nay** đề xuất Quốc hội ban hành luật để điều chỉnh).*

Lưu ý: Các nội dung được đề xuất theo Tiêu chí này không bao gồm các nội dung mới cần thể chế hóa theo đường lối, chủ trương của Đảng đã nêu tại Tiêu chí 1.

c) Nội dung đề xuất xử lý:

- Đề xuất bổ sung quy định pháp luật (bổ sung vào VBQPPL đã có hoặc ban hành VBQPPL mới).

- Trong trường hợp chưa xử lý được theo hình thức nêu trên, có thể đề xuất cơ chế xử lý đặc biệt (đối với văn bản ở Trung ương), trong đó, nêu rõ hình thức văn bản xử lý (Ví dụ: Ban hành Nghị quyết của Chính phủ theo Nghị quyết số 206/2025/QH15 về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật) (nếu cần thiết).

(Kết quả rà soát VBQPPL của các cơ quan theo 06 tiêu chí nêu trên được tổng hợp theo Mẫu 04, 05, 06, 07 kèm theo Hướng dẫn này).

Lưu ý: Kết quả rà soát một nội dung, quy định của VBQPPL có thể đồng thời liên quan đến nhiều tiêu chí khác nhau.

5. Xác định lộ trình xử lý VBQPPL

Việc xác định lộ trình xử lý VBQPPL cần lưu ý ưu tiên xử lý một số vấn đề sau:

- Các lĩnh vực, nội dung quan trọng, cốt lõi của Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”; các Nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị cần thể chế hóa ngay trong năm 2026 - 2027;

- Các luật (lĩnh vực/vấn đề) được xác định trong Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội khóa XVI;

- Các quy định pháp luật tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy nhà nước theo mô hình chính quyền 3 cấp (như các văn bản quy định về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan...);

- Các quy định pháp luật về đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy mục tiêu tăng trưởng kinh tế “2 con số”, góp phần đưa môi trường đầu tư của Việt Nam nằm trong nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN vào năm 2028;

- Các quy định thể chế hoá cơ chế, chính sách đặc thù tại một số địa phương được thực tiễn chứng minh là đúng, có hiệu quả để áp dụng trên phạm vi toàn quốc;

- Một số bộ luật, luật có tính nền tảng là trung tâm của hệ thống pháp luật, bao gồm: Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Tổ tụng hành chính.

6. Tổ chức trao đổi, lấy ý kiến đối với kết quả rà soát

6.1. Đối với việc rà soát văn bản liên tịch, văn bản có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của nhiều cơ quan (*nêu tại các điểm 7.1, 7.3, 7.4 Mục IV Hướng dẫn này*): Các cơ quan có trách nhiệm rà soát nội dung liên quan đến chức năng, lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan mình và gửi về cho cơ quan chủ trì tổng hợp kết quả rà soát chung.

6.2. Trong quá trình tổ chức tổng rà soát hệ thống VBQPPL, các cơ quan có trách nhiệm:

- Chủ động tổ chức trao đổi, lấy ý kiến chuyên sâu về kết quả rà soát VBQPPL do cơ quan mình thực hiện để bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, cập nhật của kết quả tổng rà soát.

- Tổ chức lấy ý kiến phản ánh, kiến nghị của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp, nhất là người dân, doanh nghiệp và các chủ thể có trách nhiệm thi hành pháp luật về các mâu thuẫn, chồng chéo, khó khăn, vướng mắc, bất cập của hệ thống VBQPPL để đánh giá đúng, thực chất về thực trạng của hệ thống VBQPPL do cơ quan phụ trách; bảo đảm phát hiện và xử lý đúng vướng mắc; thực hiện tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý đầy đủ, rõ ràng, tránh hình thức, có cơ sở pháp lý cũng như cơ sở thực tiễn.

- Trường hợp các cơ quan kiến nghị xử lý các VBQPPL thuộc trách nhiệm rà soát của cơ quan khác thì gửi kiến nghị đó đến cơ quan có trách nhiệm rà soát. Cơ quan có trách nhiệm rà soát cần nghiên cứu, đánh giá các kiến nghị để có giải pháp xử lý phù hợp.

VII. BÁO CÁO KẾT QUẢ TỔNG RÀ SOÁT

1. Về cách thức xây dựng Báo cáo tình hình triển khai thực hiện tổng rà soát hệ thống VBQPPL và Báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống VBQPPL

- Các cơ quan thực hiện xây dựng Báo cáo và tổng hợp kết quả tổng rà soát hệ thống VBQPPL đồng thời trên Phần mềm hỗ trợ kiểm tra, rà soát VBQPPL.

- Các cơ quan xây dựng Báo cáo và các Phụ lục Danh mục tổng hợp kết quả rà soát theo hình thức trực tuyến hoặc theo Mẫu (định dạng file excel) tải xuống từ Phần mềm hỗ trợ kiểm tra, rà soát VBQPPL, tại địa chỉ: <https://kiemtrarasoat.moj.gov.vn>; sau đó, trích xuất kết quả rà soát (bao gồm: Báo cáo và các Phụ lục theo định dạng file word) từ Phần mềm hỗ trợ kiểm tra, rà soát VBQPPL, thực hiện chỉnh lý thể thức để gửi về Bộ Tư pháp (qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành).

(*Cách thức xây dựng Báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống VBQPPL và các Phụ lục Danh mục trên Phần mềm hỗ trợ kiểm tra, rà soát VBQPPL được thực hiện theo Hướng dẫn của Bộ Tư pháp*).

2. Về thành phần và biểu mẫu xây dựng Báo cáo tình hình triển khai thực hiện tổng rà soát hệ thống VBQPPL và Báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống VBQPPL

2.1. Đối với các cơ quan ở Trung ương

a) Về Báo cáo:

- Báo cáo tình hình triển khai thực hiện tổng rà soát hệ thống VBQPPL: Mẫu 01-BN.
- Báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống VBQPPL: Mẫu 02-BN.

b) Về các Phụ lục kèm theo:

Báo cáo tình hình triển khai thực hiện tổng rà soát hệ thống VBQPPL và Báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống VBQPPL kèm theo các Phụ lục sau đây:

- Phụ lục I. Danh mục VBQPPL thuộc đối tượng, phạm vi tổng rà soát (Mẫu 03-BN).

- Phụ lục II. Danh mục VBQPPL đề xuất sửa đổi, bổ sung; thay thế; tạm ngưng, bãi bỏ một phần (Mẫu 04-BN).

- Phụ lục III. Danh mục VBQPPL đề xuất ban hành mới (Mẫu 05-BN).

- Phụ lục IV. Danh mục VBQPPL đề xuất bãi bỏ toàn bộ (Mẫu 06-BN).

- Phụ lục V. Danh mục VBQPPL đề xuất tạm ngưng hiệu lực toàn bộ (Mẫu 07-BN).

2.2. Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Về Báo cáo:

- Báo cáo tình hình triển khai thực hiện tổng rà soát hệ thống VBQPPL: Mẫu 01-T.
- Báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống VBQPPL: Mẫu 02-T.

Lưu ý: Báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống VBQPPL của UBND cấp tỉnh tổng hợp kết quả tổng rà soát hệ thống VBQPPL của: HĐND, UBND, Chủ tịch UBND cấp tỉnh; HĐND, UBND cấp huyện (trước khi sắp xếp địa giới hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp); HĐND, UBND cấp xã.

b) Về các Phụ lục kèm theo:

Báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống VBQPPL của UBND cấp tỉnh kèm theo các Phụ lục sau đây:

- Phụ lục I. Danh mục VBQPPL của HĐND, UBND, Chủ tịch UBND cấp tỉnh thuộc đối tượng, phạm vi tổng rà soát (Mẫu 03-T).

- Phụ lục II. Danh mục VBQPPL của HĐND, UBND, Chủ tịch UBND cấp tỉnh cần sửa đổi, bổ sung; thay thế; tạm ngưng, bãi bỏ một phần (Mẫu 04-T).

- Phụ lục III. Danh mục VBQPPL của HĐND, UBND, Chủ tịch UBND cấp tỉnh cần ban hành mới (Mẫu 05-T).

- Phụ lục IV. Danh mục VBQPPL của HĐND, UBND, Chủ tịch UBND cấp tỉnh cần bãi bỏ toàn bộ (Mẫu 06-T).

- Phụ lục V. Danh mục VBQPPL của HĐND, UBND, Chủ tịch UBND cấp tỉnh cần tạm ngưng hiệu lực toàn bộ (Mẫu 07-T).

- Phụ lục VI. Danh mục tổng hợp VBQPPL của HĐND, UBND cấp huyện còn hiệu lực (Mẫu 08-T).

2.3. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Về Báo cáo:

- Báo cáo tình hình triển khai thực hiện tổng rà soát hệ thống VBQPPL: Mẫu 01-X.

- Báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống VBQPPL: Mẫu 02-X.

b) Về các Phụ lục kèm theo:

Báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống VBQPPL của UBND cấp xã kèm theo các Phụ lục sau đây:

- Phụ lục I. Danh mục VBQPPL của HĐND, UBND cấp xã thuộc đối tượng, phạm vi tổng rà soát (Mẫu 03-X).

- Phụ lục II. Danh mục VBQPPL của HĐND, UBND cấp xã cần sửa đổi, bổ sung; thay thế; tạm ngưng, bãi bỏ một phần (Mẫu 04-X).

- Phụ lục III. Danh mục VBQPPL của HĐND, UBND cấp xã cần ban hành mới (Mẫu 05-X).

- Phụ lục IV. Danh mục VBQPPL của HĐND, UBND cấp xã cần bãi bỏ toàn bộ (Mẫu 06-X).

- Phụ lục V. Danh mục VBQPPL của HĐND, UBND cấp xã cần tạm ngưng hiệu lực toàn bộ (Mẫu 07-X).

- Phụ lục VI. Danh mục VBQPPL của HĐND, UBND cấp huyện còn hiệu lực (Mẫu 08-X).

3. Về thời hạn gửi Báo cáo

- Đối với Báo cáo tình hình triển khai thực hiện tổng rà soát hệ thống VBQPPL: Các cơ quan ở Trung ương, UBND cấp tỉnh gửi Báo cáo về Bộ Tư pháp **trước ngày 10/7/2026 (số liệu cập nhật đến hết ngày 30/6/2026)**.

- Đối với Báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống VBQPPL (Báo cáo chính thức): Các cơ quan ở Trung ương, UBND cấp tỉnh gửi Báo cáo về Bộ Tư pháp **trước ngày 10/11/2026 (số liệu cập nhật đến hết ngày 31/10/2026)**.

VIII. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trong quá trình thực hiện, đề nghị các cơ quan phối hợp chặt chẽ với đầu mối triển khai nhiệm vụ tại Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo (Bộ Tư pháp) là Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật để nhiệm vụ được thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng.

Thông tin liên hệ:

a) *Hỗ trợ kỹ thuật báo cáo trực tuyến: Cục Công nghệ thông tin, Bộ Tư pháp (Phòng Chuyển đổi số, số điện thoại: 024.62.739.716).*

b) Hỗ trợ nội dung xây dựng Báo cáo và tổng hợp kết quả tổng rà soát: Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp (Phòng Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản khối Nội chính, số điện thoại: 024.62.739.658, thư điện tử: TongrasoatVB@moj.gov.vn)./.

Nơi nhận:

- BCĐTW về hoàn thiện thể chế, pháp luật;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Trường Ban Chỉ đạo;
- Chính phủ, Thủ tướng CP, các Phó TTgCP;
- Các Phó Trưởng Ban Chỉ đạo;
- Các thành viên Ban Chỉ đạo;
- UBTWMTTQVN;
- TANDTC, VKSNDTC;
- HĐDT, UB của QH, KTN;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- VPTW, VPTBT, các Ban của Đảng, VPQH, VPCTN;
- Tỉnh ủy, Thành ủy; HĐND, UBND cấp tỉnh;
- Lưu: HC, BCĐTRSHTVBQPPL (PLTP, BTP).

**TM. BAN CHỈ ĐẠO
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC**



Hoàng Thanh Tùng